

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2021/DS-PT
Ngày: 31/12/2021
V/v tranh chấp “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải;**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Ái Đoan;**

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Nhi** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2021/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 307/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 776/2021/QĐ-PT ngày 20/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần KL.

Địa chỉ: số 40-42-44, đường PHT, phường VTV, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: **Trần Tuấn A** - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: **Trần Hữu Ng** - Chức vụ: Quyền Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần KL - Chi nhánh Tiền Giang.

Người được ủy quyền lại: Ông **Trần Th** - Chức vụ: Phó phụ trách Phòng khách hàng cá nhân kiêm Phó phụ trách phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng Thương mại cổ phần KL chi nhánh Tiền Giang (văn bản ủy quyền ngày 16/6/2020). (Có mặt)

Địa chỉ: 300-302-304-306-308, HV, xã ĐT, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1959. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp HB, xã ĐT, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh **Lê Quốc C**, sinh năm 1984. (Xin vắng mặt)

3.2. Anh **Lê Ngọc H**, sinh năm 1989. (Có mặt)

3.3. Chị **Huỳnh Thị Yến N**, sinh năm 1993. (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp HB, xã ĐT, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1973. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TH, xã TT, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.5. Chị **Võ Thị Thu Tr**, sinh năm 1976. (Xin vắng mặt)

3.6. Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1975. (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố 4, thị trấn VB, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà **Nguyễn Thị M**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần KL có đại diện theo uỷ quyền là anh Trần Th trình bày:

Ngày 21/11/2016, bà Nguyễn Thị M có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần KL (viết tắt là Ngân hàng TMCP KL) - Chi nhánh Tiền Giang số tiền 690.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 417/2016/HĐTD/2200-6169, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay là sửa chữa nhà ở, lãi suất cho vay là 11,7%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng của loại tiền mà bên khách hàng đang vay, loại lãi cuối kỳ do Ngân hàng TMCP KL công bố tại thời điểm thay đổi lãi suất vay cộng biên độ 4,05%/năm, lãi suất sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại Ngân hàng TMCP KL (cùng loại hình và phương thức vay). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn; mức phạt chậm trả lãi 0,05%/ngày; hình thức thanh toán gốc, lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà M thế chấp cho Ngân hàng TMCP KL tài sản gồm: Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 15, diện tích 452,5 m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00843 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/7/2011 và thửa đất số 22, tờ bản đồ số 15, diện tích 4.208,7 m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03347 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 22/9/2008 đều do bà Nguyễn Thị M đứng tên, đất tại ấp HB, xã ĐT, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 417/2016/HĐTC-BĐSD/2200-6169 ngày 21/11/2016 tại Phòng Công chứng số 1, địa chỉ: số x đường HV, phường y, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Quá trình thực hiện, bà M không trả nợ đúng theo hợp đồng đã ký kết. Bà M chỉ trả được vốn, lãi, phạt gốc và phạt lãi 03 kỳ (từ tháng 12/2016 đến tháng 02/2017) với số tiền gốc là 17.250.000 đồng, lãi 20.490.844 đồng, phạt gốc 26.681 đồng, phạt lãi 96.035 đồng; tổng cộng 37.863.560 đồng.

Do bà M đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng TMCP KL yêu cầu bà Nguyễn Thị M phải trả vốn gốc là 672.750.000 đồng, tiền lãi trong hạn đến thời điểm ngày 10/3/2021 là 329.073.794 đồng, tiền lãi phạt chậm trả là 118.001.828 đồng, tiền lãi quá hạn là 33.205.627 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 1.153.031.249 đồng, yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Nếu bà M không thực hiện trả nợ theo thời gian trên thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu phản tố của bà M, Ngân hàng không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Năm 2016, bà Nguyễn Thị G là em ruột của bà, trú tại ấp Bình Hòa Long, xã Bình Nhì có vay 130.000.000 đồng với lãi suất 30%/tháng của Võ Thị Thu Tr, địa chỉ: số e, đường ĐKT, khu phố 4, thị trấn VB, huyện số e ĐKT; Nguyễn Thị L, địa chỉ: khu phố 4, thị trấn VB, huyện số e ĐKT; Lê Thị H, địa chỉ: ấp TH, xã TT, huyện G và 03 người nam nữa nhưng bà không biết tên và địa chỉ; những người này là băng nhóm xã hội đen chuyên cho vay nặng lãi. Khi bà G không còn khả năng trả nợ, vì tình nghĩa chị em ruột nên bà làm thủ tục vay 800.000.000 đồng ở Ngân hàng thương mại S tại thị xã GC để một phần trả nợ cho bà G và một phần để làm vốn bà làm kinh tế.

Ngày Ngân hàng thương mại S tại thị xã GC giải ngân, do bà sợ nhóm cô L, cô H, cô Tr lấy hết tiền nên bà nhờ các anh Ng, H, Đ là Công an xã ĐT, huyện G đi theo hỗ trợ. Khi giải ngân bà yêu cầu ngân hàng chỉ giải ngân bằng tiền mặt số tiền 500.000.000 đồng, còn giữ lại 300.000.000 đồng trong tài khoản của bà. Phía cô L, cô H, cô Tr gây áp lực buộc bà phải yêu cầu ngân hàng giải ngân hết số tiền vay 800.000.000 đồng; bà không đồng ý nên xảy ra cự cãi, do vậy ngân hàng không đồng ý cho vay, thu hồi tiền lại và hủy bỏ hồ sơ vay với bà. Bà vừa ra khỏi cửa ngân hàng để về thì bị nhóm cô Tr hành hung, các anh Ng, H, Đ phải can thiệp; nhóm cô Tr giật lấy hồ sơ vay vốn của bà vừa bị ngân hàng trả lại trong đó có 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà.

Sau đó phía cô L, cô H, cô Tr tự ý làm thủ tục vay tại Ngân hàng TMCP KL - Chi nhánh Tiền Giang với số tiền 690.000.000 đồng. Ngày 21/11/2016, băng nhóm cô Tr gây áp lực buộc bà đến Ngân hàng TMCP KL - Chi nhánh Tiền Giang để ký tên giấy tờ giao dịch với ngân hàng để vay số tiền 690.000.000 đồng như đại diện ngân hàng trình bày. Bà xác định các chữ ký trong hợp đồng tín dụng số 417/2016/HĐTD/2200-6169 ngày 21/11/2016, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 417/2016/HĐTC-BDS/2200-6169 ngày 21/11/2016 và các thủ tục giải ngân và phiếu chi tiền ngày 21/11/2016 đúng là chữ ký của bà, tuy nhiên bà ký tên là do bị băng nhóm cô Tr ép buộc, đe dọa chứ không phải là ý chí tự nguyện của bà và tất cả bà đều ký tên tại Ngân hàng TMCP KL - Chi nhánh Tiền Giang.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay với Ngân hàng KL - Chi nhánh Tiền Giang bà đã trả nợ được 03 kỳ với số tiền vốn, lãi là 37.863.560 đồng và còn nợ lại số tiền như đại diện ngân hàng trình bày. Bà không trả nợ nữa vì thấy hồ sơ vay vốn

có vấn đề không bình thường, có dấu hiệu cán bộ ngân hàng tiếp tay cho băng nhóm cô Tr cụ thể là 02 lần bà yêu cầu được photocopy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà đã thế chấp thì có sự khác nhau về các chữ viết tay ghi ở trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay với yêu cầu của Ngân hàng TMCP KL bà không đồng ý trả nợ vì bà không được nhận tiền vay của ngân hàng và hồ sơ vay không hợp lệ.

Ngày 12/01/2021, bà M có đơn khởi kiện phản tố, bà yêu cầu Ngân hàng TMCP KL cùng với chị Võ Thị Thu Tr, chị Nguyễn Thị L và chị Lê Thị H bồi thường thiệt hại số tiền 380.000.000 đồng bao gồm: Mất thu nhập do phải bán rẻ máy cày không còn phương tiện sử dụng trong 04 năm là 200.000.000 đồng và mất thu nhập do không canh tác 02 thửa đất thế chấp trong 04 năm là 180.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H trình bày:

Chị là bạn của Võ Thị Thu Tr và Nguyễn Thị L, chị biết việc bà M vay tiền của chị Tr để đáo hạn ngân hàng. Năm 2016, chị có đi cùng bà M, L, Tr đến Ngân hàng KL để vay tiền và trả tiền cho Tr nhưng chị ở bên ngoài, không có vào trong Ngân hàng với bà M. Sau khi bà M nhận tiền vay xong thì về nhà của ông M (đã chết) để bà M trả tiền cho Tr, chị có chứng kiến bà M trả tiền cho Tr, việc bà trả tiền là tự nguyện không ai ép buộc, chị chỉ chứng kiến chứ không có liên quan gì nên Ngân hàng kiện bà M thì chị không có ý kiến. Chị không đồng ý với yêu cầu của bà M yêu cầu chị bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Thu Tr trình bày:

Cách đây khoảng 05 năm, chị có cho bà M mượn tiền để đáo hạn ngân hàng, sau khi trả tiền Ngân hàng, lấy sổ đỏ ra, chị và bà M đến Ngân hàng ở thị xã GC để bà M vay tiền trả cho chị, bà M không trả tiền mà yêu cầu Ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của bà nên hai bên xảy ra cự cãi, Ngân hàng không cho vay tiền. Khoảng 01 tháng sau thì bà M đến ngân hàng KL, Tiền Giang để vay tiền trả cho chị, sau khi bà M nhận tiền vay thì đem về nhà của ông M (đã chết) để tính tiền trả cho chị. Do thời gian quá lâu nên chị không nhớ bà M trả bao nhiêu. Chị có đi chung với bà M đến ngân hàng KL nhưng khi giải ngân thì không có mặt chị do chị bận công việc nên về trước chờ bà M ở nhà ông M. Nay, Ngân hàng KL kiện bà M, chị không có ý kiến, chị không có liên quan, bà M yêu cầu chị bồi thường tiền thì chị không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị là bạn của Võ Thị Thu Tr và Lê Thị H, chị biết việc bà M vay tiền của chị Tr để đáo hạn ngân hàng. Năm 2016, chị có đi cùng bà M, L, Tr đến Ngân hàng KL để vay tiền và trả tiền cho Tr nhưng chị ở bên ngoài, không có vào trong Ngân hàng với bà M. Sau khi bà M nhận tiền vay xong thì về nhà của ông M (đã chết) để bà M trả tiền cho Tr, chị có chứng kiến bà M trả tiền cho Tr, việc bà trả tiền là tự nguyện không ai ép buộc, chị chỉ là người chứng kiến chứ không có liên quan, lúc bà M trả tiền thì có con trai và một số người trong gia đình bà M. Nay, Ngân hàng

kiện bà M thì chị không có ý kiến do chị không có liên quan gì, bà M yêu cầu chị bồi thường chị không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Ngọc H, anh Lê Quốc C, chị Huỳnh Thị Yến N cùng trình bày:

Các anh chị có chung hộ khẩu với bà M tại ấp HB, xã ĐT, huyện G, tỉnh Tiền Giang nhưng làm ăn, sinh hoạt và tạo kinh tế riêng, hoàn toàn độc lập. Vừa qua bà M bị Ngân hàng KL khởi kiện đòi nợ vay đã làm ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động kinh tế của anh chị. Việc mẹ anh chị vay nợ không liên quan gì đến anh chị. Nay, các anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện đòi bà M trả số tiền mà Ngân hàng TMCP KL chi nhánh Tiền Giang cho là nợ của mẹ anh chị vì mẹ anh chị hoàn toàn không vay, không nhận số tiền này và yêu cầu Ngân hàng trả lại cho gia đình anh chị toàn bộ các giấy tờ trong hồ sơ vay vốn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2021/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần KL.

- Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần KL số tiền vốn là 672.750.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 26/5/2021 là 514.034.199 đồng (trong đó lãi trong hạn là 346.341.044 đồng, lãi quá hạn là 36.823.383 đồng và lãi phạt chậm trả lãi là 130.870.079 đồng). Tổng cộng vốn, lãi là 1.186.784.506 đồng (*một tỷ một trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm lẻ sáu đồng*) thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số: 417/2016/HĐTD/2200-6169 ngày 21/11/2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần KL - Chi nhánh Tiền Giang và bà Nguyễn Thị M.

- Kể từ khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà M không thực hiện trả tiền theo thời gian trên thì tài sản thế chấp gồm:

Diện tích 452,5m², thửa đất số 14, tờ bản đồ số 1, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00843 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/7/2011 cho bà Nguyễn Thị M đứng tên.

Diện tích 4.208,7m², thửa đất số 22, tờ bản đồ số 15, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03347 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 22/9/2008 cho bà Nguyễn Thị M đứng tên.

Đất tại ấp HB, xã ĐT, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 417/2016/HĐTC-BĐS/2200-6169 ngày 21/11/2016 giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện G phát mãi để đảm bảo thi hành án.

2/ Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu Ngân hàng Thương mại cổ phần KL và Nguyễn Thị L, Lê Thị H, Võ Thị Thu Tr liên đới bồi thường số tiền 380.000.000 đồng (*ba trăm tám mươi triệu đồng*) và đình chỉ yêu cầu của bà M yêu cầu Ngân hàng Thương mại cổ phần KL trả cho bà số tiền 37.863.560 đồng (*ba mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng*).

3/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu Ngân hàng Thương mại cổ phần KL trả lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00843 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/7/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03347 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 22/9/2008 đều cấp cho bà M đứng tên.

4/ Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần KL chi phí tố tụng là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, nghĩa vụ chịu án phí và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, bị đơn bà Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 114/2021/DS-ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ nội dung án sơ thẩm theo hướng sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà phải trả số tiền 1.186.000.000 đồng, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà M đòi ngân hàng thương mại cổ phần KL phải trả lại đầy đủ bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M, giải trừ nghĩa vụ trả nợ cho bà M. (Bút lục số 315)

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) KL là Trần Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ y án sơ thẩm.

Đại diện cho bên kiện và bên bị kiện không có sự thỏa thuận giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên nhận định án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị M trả Ngân hàng TMCP KL 672.750.000 đồng và 514.034.506 đồng tiền lãi tổng cộng 1.186.784.506 đồng và không chấp nhận yêu cầu phản tố đòi trả lại 02 giấy CN QSDĐ đã thế chấp là có căn cứ. Bà M kháng cáo không thừa nhận có vay tiền Ngân hàng TMCP KL. Hồ sơ vay là bị ép buộc nhưng bà M không cung cấp được tài liệu chứng minh cho lý do kháng cáo nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe các đương sự trình bày tranh luận và ý kiến phân tích đề nghị của đại diện Viện kiểm sát;

Xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị M thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đúng theo Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ủy quyền cho ông Trần Th và bị đơn Nguyễn Thị M ủy quyền cho anh Lê Quốc C và anh Lê Ngọc H đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án. Việc ủy quyền được thực hiện theo Điều 85 và 86 của BLTTDS, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà M rút lại việc ủy quyền cho anh H, để bà trực tiếp tham gia tố tụng. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Yến N; Lê Quốc Cường; Lê Thị H; Võ Thị Thu Tr; Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228, Điều 296 của BLTTDS xét xử vắng mặt những người nói trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP KL khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị M trả 672.750.000 đồng vốn gốc và 514.034.506 đồng tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 417/2016/HĐTD/2200-6169 ngày 21/11/2016 giữa Ngân hàng TMCP KL với bà Nguyễn Thị M. Bị đơn Nguyễn Thị M phản tố yêu cầu nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bồi thường thiệt hại và đòi lại tài sản. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền và phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 3, 6 Điều 26 của BLTTDS, Điều 351, 352, 584, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS 2015) và Điều 91, 94, 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[3] Về nội dung tranh chấp yêu cầu giải quyết: Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngân hàng TMCP KL chi nhánh Tiền Giang có ký hợp đồng tín dụng số 417/2016/HĐTD/2200-6169 ngày 21/11/2016 cho bà Nguyễn Thị M vay 690.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng với lãi suất 11,7%/năm, mục

đích vay: Sửa chữa nhà ở. Khi vay bà M có lập hợp đồng thế chấp 02 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) do bà M đứng tên cho Ngân hàng TMCP KL.

Sau khi vay bà M trả được 03 kỳ (Tháng 12/2016 - 02/2017) là 17.250.000 đồng tiền vốn và 20.613.560 đồng tiền lãi thì ngưng luôn cho đến nay nên Ngân hàng TMCP KL khởi kiện yêu cầu bà M trả 672.750.000 đồng tiền vốn và 514.034.506 đồng tiền lãi. Tổng cộng 1.186.786.506 đồng. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu bà M không trả nợ như Ngân hàng TMCP KL yêu cầu thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp trả nợ cho Ngân hàng TMCP KL.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M thừa nhận bà có ký hợp đồng vay và thế chấp tài sản cho Ngân hàng TMCP KL như đại diện của Ngân hàng TMCP KL trình bày. Sau khi vay bà có trả được 03 kỳ cả vốn và lãi là 37.863.560 đồng thì ngưng luôn. Nay theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL bà không đồng ý vì bà không có nhận tiền vay của Ngân hàng TMCP KL và hồ sơ không hợp lệ. Đồng thời bà M có đơn phản tố yêu cầu Ngân hàng TMCP KL cùng Võ Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L và Lê Thị H phải bồi thường thiệt hại cho bà 380.000.000 đồng và Ngân hàng TMCP KL phải hoàn trả cho bà 37.863.560 đồng mà bà M đã trả cho Ngân hàng TMCP KL.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà M là anh C và anh H xin rút lại yêu cầu Ngân hàng TMCP KL, chị Tr, chị L, chị H bồi thường cho bà M 380.000.000 đồng và yêu cầu Ngân hàng TMCP KL trả lại cho bà M 37.863.560 đồng. Ngược lại anh C, anh H yêu cầu Ngân hàng TMCP KL trả lại cho bà M 02 Giấy chủ quyền sử dụng đất đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP KL.

Tòa sơ thẩm xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL, buộc bà M trả cho Ngân hàng TMCP KL 1.186.784.560 đồng vốn và lãi.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà M do anh C, anh H đại diện đòi Ngân hàng TMCP KL trả cho bà M 02 GCN QSDĐ do bà M đứng tên đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP KL.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bà M đòi Ngân hàng TMCP KL và chị Tr, L, H bồi thường 380.000.000 đồng và yêu cầu Ngân hàng TMCP KL trả lại bà M 37.863.560 đồng.

- Không đồng ý với án sơ thẩm đã xử, bà Nguyễn Thị M kháng cáo.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bà M nhận thấy:

Theo hợp đồng tín dụng số 417/2016/HĐTD/2200-6169 ngày 21/11/2016 thể hiện bà Nguyễn Thị M ký vay Ngân hàng TMCP KL Chi nhánh Tiền Giang địa chỉ 238-239-240 đường AB, Phường Z, thành phố M, Tiền Giang 690.000.000 đồng thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay: sửa chữa nhà. Lãi suất 11,7%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay. Mức phạt chậm trả lãi: 0,05%/ngày, kỳ hạn trả nợ gốc, lãi hàng tháng. Trả nợ gốc mỗi tháng 5.750.000 đồng (Bút lục số 80).

Số tiền vay ghi trong hợp đồng vay cũng được Ngân hàng TMCP KL giải ngân bằng tiền mặt cho bà M ký nhận tại giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và phiếu chi ngày 21/11/2016 là 690.000.000 đồng (Bút lục số 74, 100, 101). Đồng thời bà M cũng ký hợp đồng thế chấp QSDĐ số 417/2016/HĐTD/2200-6169 ngày 21/11/2016, thế chấp GCN QSDĐ thửa 14 tờ bản đồ số 15 diện tích 452,5m² và thửa 22 tờ bản đồ số 15 diện tích 4208,7m² do bà M đứng tên tại ấp HB, xã ĐT, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Hợp đồng được Phòng công chứng số 01 tỉnh Tiền Giang công chứng số 8520 quyển số 21TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/11/2016 (Bút lục số 68-73).

Sau khi được giải ngân thì bà Nguyễn Thị M đã trả vốn và lãi vào tháng 12/2016, tháng 01/2017 và tháng 02/2017 tổng cộng 17.863.560 đồng tiền vốn và 20.613.560 tiền lãi (Bút lục số 99-129).

[6] Bà M xác nhận các chữ ký trong hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp QSDĐ và phiếu chi của Ngân hàng TMCP KL đều là chữ ký của bà (Bút lục số 183, 225, 250, 266, 267). Nhưng bà M cho rằng bà M bị Võ Thị Thu Tr, Nguyễn Thị L, và Lê Thị H đe dọa buộc bà M vay tiền Ngân hàng TMCP KL để trả nợ thay cho em bà M là Nguyễn Thị G. Số tiền Ngân hàng TMCP KL cho bà vay đã bị chị Tr, L, H lấy hết trừ nợ tại Ngân hàng TMCP KL, bà M không có nhận tiền vay. Tuy nhiên, chị Tr, L, H không thừa nhận có ép bà M vay tiền trừ nợ còn bà M hoàn toàn không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh lời khai của mình có cơ sở. Mặt khác, sau khi vay bà M đã trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng TMCP KL được 03 kỳ theo hợp đồng tín dụng đã ký sau đó thì ngưng không trả nữa.

Mãi đến khi ngân hàng yêu cầu bà M trả nợ vay thì bà mới làm đơn tố cáo gửi nhiều nơi cho rằng chị Tr, L, H cấu kết Ngân hàng dùng xã hội đen ép bà vay tiền để xiết nợ. Đơn tố cáo của bà cuối cùng đã được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G giải quyết theo thẩm quyền, Quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với tố giác của bà Nguyễn Thị M vì những nội dung mà bà M đã tố giác là không có sự việc phạm tội xảy ra (Bút lục số 363, 364).

[7] Về lãi suất cho vay được Ngân hàng TMCP KL áp dụng 11,7%/năm còn lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay và mức phạt chậm trả lãi: 0,05%/ngày là đúng theo quy định của pháp luật bởi: Theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định “tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng”. Tại Thông tư số 12/2021/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn “Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận với khách hàng, ngân hàng nhà nước không ấn định mức lãi suất” và tại khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định “Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% mức lãi suất trong hạn”. Căn cứ vào nội dung của Hợp đồng tín dụng số 417/2016/HĐTD/2200-6169 ngày 21/11/2016 mà bà M đã ký với Ngân hàng TMCP KL. Ngân hàng TMCP KL yêu cầu bà M trả 672.750.000 đồng vốn gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 26.5.2021 gồm: Tiền lãi trong hạn là 346.341.044 đồng tiền lãi quá hạn là 36.823.383 đồng và lãi phạt chậm trả là 130.870.079 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.186.784.506 đồng (Bút lục số 292, 293) đúng theo hợp đồng đã ký nên được Tòa sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ nên vẫn giữ nguyên.

[8] Về thời hạn vay và kỳ hạn trả lãi vay, nợ gốc được Ngân hàng TMCP KL Chi nhánh Tiền Giang với bà Nguyễn Thị M ký thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 417/2016/HĐTD/2200-6169 ngày 21/11/2016 là:

- Thời hạn vay 120 tháng (Điều 1);
- Kỳ hạn trả lãi vay, nợ gốc: Trả hàng tháng (Điều 3);
- Ngày trả lãi đầu tiên: 21/12/2016;
- Ngày trả lãi tiếp theo là: ngày 21 hàng tháng;
- Trả nợ gốc hàng tháng mỗi kỳ 5.750.000 đồng;

Do sau khi vay bà M chỉ trả lãi vay và nợ gốc được 03 kỳ vào tháng 12/2016, tháng 01/2017 và tháng 02/2017 thì ngưng luôn, nên Ngân hàng TMCP KL yêu cầu bà M phải trả các khoản nợ vay lãi suất quá hạn và các khoản phải trả trước hạn ghi trong hợp đồng là đúng với điểm j Điều 9 của hợp đồng (Bút lục số 79) nên được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[9] Về tài sản thế chấp là QSDĐ do bà Nguyễn Thị M đứng tên cá nhân và có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là có chồng đã chết năm 2005 (Bút lục số 197, 198) nên vẫn giữ nguyên để đảm bảo thi hành nghĩa vụ tài sản được đảm bảo, không thể trả lại theo yêu cầu của bà M được.

Do đó Toà sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà M về đòi lại GCN QSDĐ đã thế chấp và đình chỉ phần yêu cầu của bà M đòi bồi thường thiệt hại, trả lại tài sản là có căn cứ.

Bà M kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới có giá trị pháp lý làm thay đổi tính chất nội dung vụ án nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định án sơ thẩm.

[10] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do Ngân hàng TMCP KL tạm ứng thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP KL được Tòa án chấp nhận nên bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP KL 1.000.000 đồng theo quy định tại Điều 157, 158 của BLTTDS.

[11] Về án phí: Bà M là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khoá 14 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Cho bà M được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Xét nội dung phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quan điểm của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 270, 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của BLTTDS.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M. Giữ nguyên quyết định án dân sự sơ thẩm số 114/2021/DS-ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 3, 6, Điều 26, 157, 227, 228, 244, khoản 2, 3 Điều 296 của BLTTDS.

Căn cứ vào Điều 299, 317, 318, 319, 320, 351, 352, 584, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khoá 14 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL Chi nhánh Tiền Giang.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP KL Chi nhánh Tiền Giang 672.750.000 đồng tiền vốn và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 26/5/2021 là 514.034.506 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 346.341.044 đồng,

lãi quá hạn 36.823.383 đồng và lãi phạt chậm trả là 130.870.079 đồng). Tổng cộng là 1.186.784.506 đồng.

1.2. Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 417/2016/HĐTD/220-6169 ngày 21/11/2016 giữa Ngân hàng TMCP KL với bà Nguyễn Thị M cho đến khi trả hết nợ gốc.

1.3. Kể từ ngày Ngân hàng TMCP KL có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị M chậm thi hành thì Ngân hàng TMCP KL có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án gồm:

a/ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 644490 số vào sổ cấp GCN:CH 00843 do UBND huyện G tỉnh Tiền Giang cấp ngày 08/7/2011 thửa 14 tờ bản đồ số 15 diện tích 452,5m² cho bà Nguyễn Thị M đứng tên.

b/ Quyền sử dụng đất số AK742841 số vào sổ H03347 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/9/2008 thửa 22 tờ bản đồ số 15 diện tích 4208,7m² cho bà Nguyễn Thị M đứng tên.

Hai thửa đất tọa lạc tại ấp Hoà Bình, xã ĐT, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị M đòi Ngân hàng TMCP KL Chi nhánh Tiền Giang trả lại bà bản chính GCN QSDĐ số CH 00843 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 08/7/2011 và GCN QSDĐ số H03347 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/9/2008 cho bà M đứng tên mà bà đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP KL.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị M đòi Ngân hàng TMCP KL và Nguyễn Thị L, Lê Thu H, Võ Thị Thu Tr liên đới bồi thường số tiền 380.000.000 đồng và yêu cầu Ngân hàng TMCP KL trả lại bà M 37.863.560 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị M phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP KL 1.000.000 đồng cho phí xem xét thẩm định tại chỗ.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP KL 18.382.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 39849 ngày 21/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự (CC THADS) huyện G, tỉnh Tiền Giang.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Hoàng Khải